

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2026/HS-PT

Ngày: 06-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu

Các Thẩm phán:

Ông Võ Ngọc Giàu

Ông Nguyễn Lê Huy

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Mỹ Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 350/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2025/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/02/1991, tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); Số CCCD: 083091004xxx; Nơi cư trú: số C ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Võ Thị T1, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; Tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Huỳnh Tấn H, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 – Đoàn Luật sư thành phố C.

** Bị hại có kháng cáo:*

Anh Nguyễn Minh H1, sinh năm 2002 (*Có mặt*);

Địa chỉ: ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 14/09/2024, Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh H1, sinh năm 2002, cư trú ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang đến thuê phòng hát tại quán Karaoke “H”, địa chỉ số A đường P, Ấp A, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Đến khoảng 02 giờ ngày 15/09/2024, T và H1 ra về. Khi thanh toán số tiền 1.700.000 đồng thuê phòng hát karaoke, H1 đưa 700.000 đồng và yêu cầu T thanh toán 1.000.000 đồng còn lại. Lúc này, giữa T và H1 xảy ra mâu thuẫn do T cho rằng trước khi đi đã nói với H1 không có tiền. H1 tiến tới chửi thì bị T đẩy ra. T đi đến bãi giữ xe để lấy xe về, H1 tiếp tục đi theo và lớn tiếng chửi T. Khi T đã dẫn xe ra trước đường P, H1 tiến về phía T dùng tay đẩy T 01 cái. Do tức giận vì bị H1 chửi, T rút từ trong túi đeo trên người ra 01 con dao bấm, dài khoảng 20cm, cán dao và lưỡi dao đều bằng kim loại màu đen, dài khoảng 10cm, lưỡi sắc bén, có 01 đầu nhọn. T đứng đối diện H1, tay phải cầm dao, lòng bàn tay ôm tròn cán dao, chiều từ cán dao đến mũi dao trùng với chiều từ ngón út đến ngón tay trỏ, đâm thẳng 01 nhát theo chiều từ sau ra trước trúng vào vùng bụng của H1 gây thương tích. Sau khi đâm, T đưa H1 đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T.

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 441-2024/KLTTCT-TTPY ngày 26/11/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T, kết luận:

- + Sẹo vết thương hạ sườn trái;
- + Sẹo vết thương mặt lòng đốt gần ngón II bàn tay trái;
- + Sẹo vết mổ đường trắng giữa trên dưới rốn;
- + 02 sẹo dẫn lưu hố chậu trái;
- + Thủng 02 lỗ hồng tràng đã xử lý khâu 02 lỗ thủng;
- + Tụ máu quanh thận, tổn thương thận điều trị bảo tồn;
- + Thủng mạc treo đại tràng gốc lách, đã xử lý mạc treo.

Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Minh H1 39%, theo phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2025/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và nêu quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/8/2025 bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm, theo hướng “phòng vệ vượt quá

giới hạn” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự hoặc “Vô ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 2015.

Ngày 22/8/2025 bị hại Nguyễn Minh H1 có đơn kháng cáo với nội dung: Xem xét lại tội danh của bị cáo T, mong Tòa thấy đây chỉ là hành động vô ý hoặc phản ứng phòng vệ vượt quá giới hạn; Bị hại xin Tòa chỉ phạt bị cáo T bằng tiền, không cần phải phạt tù, vì bị cáo T đã khắc phục xong hậu quả và đã rất ăn năn hối lỗi.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo cho rằng không cố ý gây thương tích cho bị hại, bị cáo chỉ cầm dao phòng thủ, bị hại lao vào đánh bị cáo nên trúng nhầm phải dao nên bị thương tích. Bị cáo cho rằng bản thân chỉ phạm tội vô ý gây thương tích hoặc phòng vệ vượt quá giới hạn. Đề nghị được xem xét lại tội danh.

Bị hại Nguyễn Minh H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nội dung trong đơn kháng cáo, không trình bày gì thêm.

Luật sư Huỳnh Tấn H, người bào chữa cho bị cáo cho rằng Nguyễn Văn T không phạm tội cố ý gây thương tích. Theo Luật sư, cần thiết phải xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án và chỉ có thể xác định bị cáo phạm tội phòng vệ vượt quá giới hạn. Thực tế bị cáo không có hành vi dùng dao đâm vào người của bị hại. Trước sự lao vào tấn công của H1, T chỉ lấy dao cầm trên tay mục đích đe dọa hoặc phòng vệ, do quán tính bị hại va trúng vào dao do T cầm nên bị thương tích. Cụ thể, H1 có không ít 03 lần tấn công bị cáo, do bức tức trước hành vi trái pháp luật trên T chỉ lấy dao cầm trên tay, không có hành động tấn công lại. Do vậy T chỉ có thể phạm tội theo quy định tại Điều 136 Bộ luật hình sự. Luật sư đề nghị xem xét lại tội danh cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xác định tội danh như án sơ thẩm kết luận là phù hợp với diễn biến của vụ án, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo và lời trình bày của bị cáo, người bị hại là không có căn cứ. Mặt khác, tại phiên tòa bị cáo, bị hại chỉ yêu cầu xem xét về tội danh. Do vậy đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày xác định của bị cáo tại phiên tòa, quá trình điều tra bị cáo không bị ép cung, bức hay dụ cung. Xác định Cơ quan Điều tra, Điều tra viên thực hiện nhiệm vụ tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản khám nghiệm hiện trường bị cáo đều thừa nhận hành vi đâm bị hại H1. Khi nhận bản kết luận điều tra, Cáo trạng bị cáo đều thống nhất. Qua đó có cơ sở xác định: Ngày

14/09/2024, bị cáo và Nguyễn Minh H1, sinh năm 2002, cư trú ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang đến thuê phòng hát tại quán Karaoke “H”, địa chỉ số A đường P, ấp A, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Đến khoảng 02 giờ ngày 15/09/2024, bị cáo và H1 ra về. Khi thanh toán số tiền 1.700.000 đồng thuê phòng hát karaoke giữa bị cáo và H1 có mâu thuẫn trong việc thanh toán tiền hát Karaoke, H1 chửi bị cáo và dùng tay đẩy bị cáo. Khi bị cáo dắt xe ra đường thì H1 tiếp tục chửi, do tức giận bị cáo đã dùng dao đâm H1 01 cái với tỷ lệ thương tật do bị cáo gây nên đối với H1 là 39%. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ do bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường chi phí điều trị thương tật và các khoản chi phí khác cho người bị hại; người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo thuộc diện có công cách mạng có ông ngoại ông Võ Văn N là liệt sĩ nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Tòa cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Hình phạt 04 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Nay bị cáo, người bị hại có kháng cáo kể cả Luật sư cũng chỉ đề nghị xem xét lại tội danh đối với bị cáo. Xác định yêu cầu nêu trên là không có căn cứ.

[3] Từ các phân tích trên, xác định yêu cầu kháng cáo cũng như đề nghị của Luật sư là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại Nguyễn Minh H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Minh H1.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2025/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 ; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/02/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại Nguyễn Minh H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND Tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- TAND khu vực 1 – Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Trung Hiếu

